

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+VSP01	7:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
2		BK19+AMD+TGTH4	7:25	2+15+4	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
3		TD5+RP2+SAVR	7:25	11+10+0	0+0+0		10+1+11	0+0+0	chuyen 1-td5-rp2
4		T.UNG	7:45	15	0		19	0	
5		TD3+TGTH5	9:25	16+6	0+0		14+4	0+0	
6		BK3+P2+VSP01	9:25	2+1+19	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
7		AMD+P3+P1	9:25	14+3+4	0+0+0		9+0+11	0+0+0	
8		MRM+BK14+TD5	11:25	6+13+2	0+0+0		0+3+14	0+0+0	
9		AMD+P5+P4	11:25	9+2+7	0+0+0		3+0+14	0+0+0	ec225
10		RC4+RP2+P2	13:25	5+7+7	0+0+0		4+0+13	0+0+0	ec225

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: RC3 - VSP01	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VIỆT - HTRUNG - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HUY HOÀNG	RC3	24-25	2	15			94	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI SI HIEU	RC3	27	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO KHANH NAM	RC3	28-29	2	10			80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HAI VIET	RC3	30	1	6			92	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO XUAN LOI	RC3	23	1	7			76	PV GAS	Vietnamese
6	PHAN LE VINH	RC3	26	1	6			96	PV GAS	Vietnamese
7	VU NGOC HUNG	RC3	22	1	14			58	PSV	Vietnamese
8	CHERNY SHEV VIYTALY	VSP01	200	1	10			110	KH-THAC	Russian
9	VO QUANG HUY	VSP01	11-12	2	23			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	09	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TUAN	VSP01	05	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO XUAN DUC	VSP01	08	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TRONG CHUNG	VSP01	14-15	2	9			85	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DUC THONG	VSP01	16	1	9			77	KH-THAC	Vietnamese
15	DOAN VIET DANG	VSP01	13	1	11		50	76	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HUY BINH	VSP01	06	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NGHIA	VSP01	03	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU DINH LUC	VSP01	02	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC TUAN	VSP01	10	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG BA DIEU	VSP01	04	1	5			58	YTE	Vietnamese
21	TRAN THE CUONG	VSP01	07	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
22	HUYNH VAN THON	VSP01						70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RC3	7	558	9	65	0	0	7			
2		VSP01	15	1.118	16	108	0	50	15			
		TOTAL	22	1.676	25	173	0	50	22			
		WEIGHT KG		1.676		173		50				

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: BK19 - AMD - TGTH4	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG HUU TRONG	BK19	87	1	13	3	31	68	CODIEN	Vietnamese
2	ĐO THANH TUNG	BK19	88	1	11	2	35	70	CODIEN	Vietnamese
3	P. THIAGARAJAN PERUMAL	AMD	83-84	2	14	2	35	78	BAB	Malaysian
4	ARAVIND GANGADHARAN	AMD	85-86	2	14			70	BAB	Malaysian
5	AKMAL MOHZAN	AMD	87-88	2	16			85	BAB	Malaysian
6	TRINH BICH NGOC	AMD	89-90	2	14			68	TLJOC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC ĐỨC	AMD	73	1	8			91	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TÂN	AMD	72	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	71	1	7			61	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ TRI TRUNG	AMD	80	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN AN	AMD	79	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN CONG THANH	AMD	81	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH CAN	AMD	74	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	76-77	2	14			73	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	82	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN SƠN	AMD	78	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI TRẦN LIÊM	AMD	75	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SY DUC	TGTH4	23-24	2	19	1	20	101	HLJOC	Vietnamese
19	LÊ VINH QUANG	TGTH4	28-29	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
20	VÌ TRẦN TÂN THUẬN	TGTH4	26-27	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN QUỐC HUY	TGTH4	25	1	13			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK19	2	138	2	24	5	66	0			
2		AMD	15	1.076	20	130	2	35	15			
3		TGTH4	4	291	7	52	1	20	7			
		TOTAL	21	1.505	29	206	8	121	22			
		WEIGHT KG		1.505		206		121				

GRAND TOAL: 1.832 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: TD5 - RP2 - SAVR	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - SƠN - TOÀN	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐANG VĂN HỒN	TD5	44	1	6			88	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THUẬN	TD5	45-46	2	10			75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	42	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG NGỌC DANH	TD5	37	1	2			70	KHOAN	Vietnamese
5	LE HOANG BAO AN	TD5	41	1	11			70	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM XUÂN HAI	TD5	40	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐANG MINH KHAI	TD5	38	1	7			84	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ THANH QUANG	TD5	34-35	2	15			81	KHOAN	Vietnamese
9	PODKATILIN A.N	TD5	36	1	8			82	KHOAN	Russian
10	LUƠNG MINH PHỤNG	TD5	43	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
11	PHUNG NGUYỄN NGỌC	TD5	39	1	4			92	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN LÊ CHIẾN	RP2	76	1	13			85	KH-THAC	Vietnamese
13	USHAKOV ANTON	RP2	73-74	2	15			93	ANTOAN	Russian
14	SIDORSKIY DMITRY	RP2	43	1	16			98	ANTOAN	Russian
15	NGUYỄN BÀ CƯỜNG	RP2	39-40	2	9			89	ANTOAN	Vietnamese
16	ĐO BÀ NAM	RP2	35-36	2	10			86	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	RP2	58	1	4			66	ANTOAN	Vietnamese
18	VŨ VĂN DỤC	RP2	37	1	8	1	20	68	ANTOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG THÀNH	RP2	75	1	18			70	ANTOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH TÙNG	RP2	41-42	2	17			71	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD5	11	841	13	81	0	0	10	1		CHUYEN 1 PAX TD5-RP2
2		RP2	9	726	13	110	1	20	1			
3		SAVR	0	0	0	0	4	63	11			
		TOTAL	20	1.567	26	191	5	83	22			
		WEIGHT KG		1.567		191		83				

GRAND TOTAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - MMINH	ETA: 11:00
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRUNG KIÊN	T.UNG						64	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	53	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DUY DUNG	T.UNG	62	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ MINH DUONG	T.UNG	61	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRỌNG SƠN	T.UNG	51	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH TRI	T.UNG	59	1	4	4	80	68	KH-THAC	Vietnamese
7	VU TIEN VINH	T.UNG	58	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	52	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
9	KHÔNG THAI BÌNH	T.UNG	56	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	50	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN SƠN	T.UNG						64	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	T.UNG	49	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SƠN	T.UNG	57	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ HUNG DUNG	T.UNG	54-55	2	10			75	KH-THAC	Vietnamese
15	VU MẠNH ĐIẾP	T.UNG	60	1	12			77	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		T.UNG	15	1.056	14	93	4	80	19			
		TOTAL	15	1.056	14	93	4	80	19			
		WEIGHT KG		1.056		93		80				

GRAND TOAL: 1.229 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: TD3 - TGTH5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: QVIỆT - HTRUNG - NNAM	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀNG NAM	TD3	61	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	TD3	60	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ SỸ HÙNG	TD3	51	1	4			69	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VĂN NGHĨA	TD3	62	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN TUẤN	TD3	46	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HÙNG	TD3	56-57	2	8			64	KHOAN	Vietnamese
7	NGÔ DUY THANH	TD3	52-53	2	11			71	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD3	58	1	6			77	ANTOAN	Vietnamese
9	LÀ THANH	TD3	43-44	2	12	3	13	84	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	TD3	55	1	11	4	60	73	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	59	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	54	1	3			83	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN CHÍ QUY	TD3	48	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
14	CAO ĐẶC DÂN	TD3	49-50	2	18			70	CODIEN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN GIANG	TD3	47	1	6			74	DVL	Vietnamese
16	HOÀNG QUỐC HUY	TD3	45	1	8			66	PSV	Vietnamese
17	TRẦN MINH KIẾN	TGTH5	15	1	6			67	HLJOC	Vietnamese
18	THAI THANH THẢO	TGTH5	18	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH ĐỨC	TGTH5	14	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
20	HUỲNH PHÚC ÂM	TGTH5	17	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TÂN ANH ĐỨC	TGTH5	12-13	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NHAN	TGTH5	16	1	11			79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		TD3	16	1.175	20	115	7	73	14			
2		TGTH5	6	422	7	48	0	0	4			
		TOTAL	22	1.597	27	163	7	73	18			
		WEIGHT KG		1.597		163		73				

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: BK3 - P2 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN NINH	BK3	46-47	2	22			74	CODIEN	Vietnamese
2	QUÁCH SỸ TY	BK3	44-45	2	19			68	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC HAI	P2	50	1	9	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP01	53	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC BE	VSP01	40	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN DUY BÌNH	VSP01	48	1	4	3	45	91	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ANH TUẤN	VSP01						70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP01	46	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP01	39	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TRƯỜNG	VSP01	56	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	45	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH THẮNG	VSP01	41	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN SỸ HIỆU	VSP01	47	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	44	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN KIM	VSP01	54	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HAI NAM	VSP01	52	1	8			89	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	VSP01	50-51	2	10			77	ANTOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN TUẤN	VSP01	42	1	6			88	PSV	Vietnamese
19	VÔ THANH NHẬT	VSP01	38	1	7			82	PSV	Vietnamese
20	HÀN VĂN HIỆU	VSP01	55	1	10			78	PSV	Vietnamese
21	LÊ XUÂN HÀ	VSP01	49	1	6			64	PSV	Vietnamese
22	TRINH TRẦN GIA NIÊN	VSP01	43	1	13			78	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		BK3	2	142	4	41	0	0	0			
2		P2	1	72	1	9	1	20	2			
3		VSP01	19	1.377	19	117	3	45	20			
		TOTAL	22	1.591	24	167	4	65	22			
		WEIGHT KG		1.591		167		65				

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: MRM - BK14 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: QVIỆT - HTRUNG - NNAM	ETA: 14:00
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	MRM	16-17	2	20			64	SLB	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY MINH	MRM	18-19	2	19			98	SLB	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC THỊNH	MRM	14-15	2	20			78	SLB	Vietnamese
4	NGUYỄN HUY QUANG	MRM	11-12	2	13			75	DMC MI	Vietnamese
5	VÕ HOÀNG LONG	MRM	09-10	2	16			102	DMC MI	Vietnamese
6	BUI MẠNH PHÚC	MRM	13	1	8	1	33	77	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN QUANG HUY	BK14	28-29	2	19			95	DVL	Vietnamese
8	ĐO MINH HOÀNG	BK14	32	1	17			75	DVL	Vietnamese
9	ĐOÀN PHÚC HOÀNG	BK14	33-34	2	20			77	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀ	BK14	04	1	11			61	XAY LAP	Vietnamese
11	LƯƠNG XUÂN QUANG	BK14	76	1	18			55	XAY LAP	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HUY	BK14	30-31	2	20			58	XAY LAP	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY GIANG	BK14	83-84	2	17			66	XAY LAP	Vietnamese
14	LUU QUANG NGHỊ	BK14	35,82	2	16			68	XAY LAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH KHANH	BK14	05,75	2	18			54	XAY LAP	Vietnamese
16	MAI VÕ TRƯỜNG GIANG	BK14	99,25	2	17			67	XAY LAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN HOÀNG	BK14	06	1	20	1	10	69	XAY LAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG VINH	BK14	26	1	15			81	XAY LAP	Vietnamese
19	PHẠM QUANG HUY	TD5	47	1	3			65	PSV	Vietnamese
20	LÔ TRƯỜNG GIANG	TD5	48	1	5			82	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		MRM	6	494	11	96	1	33	4			
2		BK14	12	826	19	208	1	11	3			
3		TD5	2	147	2	8	0	0	14			
		TOTAL	20	1.467	32	312	2	44	21			
		WEIGHT KG		1.467		312		44				

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/05/2025	TO: AMD - P5 - P4	AIRCRAFT: 619	ETD: 11:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: MTIEN - TTRUNG	ETA: 13:20
CAM-3			

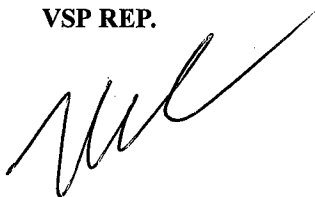
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU BINH	AMD	36	1	8			62	PSV	Vietnamese
2	PHAM TUAN THANH	AMD	35	1	5			77	PSV	Vietnamese
3	HO DUC VIET	AMD	37	1	5			76	PSV	Vietnamese
4	PHAN VAN HOA	AMD	34	1	6			72	PSV	Vietnamese
5	HO THE BINH	AMD	42-43,45	3	17			58	PHATECO	Vietnamese
6	PHAM THE ANH	AMD	40-41	2	18			61	PHATECO	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUNG	AMD	38-39	2	11			61	PHATECO	Vietnamese
8	HA VAN HUNG	AMD	46-47	2	17			64	PHATECO	Vietnamese
9	LAM QUANG TUAN	AMD	48	1	8			53	PHATECO	Vietnamese
10	DAO NGOC HAI	P5	37	1	10	1	10	75	XAYLAP	Vietnamese
11	VU VAN TIEN	P4	24	1	10			65	PSV	Vietnamese
12	TRAN THANH LIEM	P4	22	1	6			67	PSV	Vietnamese
13	BUI VAN MUOI	P4	23	1	8	1	20	57	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN DONG	P4	20-21	2	17			62	PSV	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEN (1991)	P4	19	1	4			66	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG THANG	P4	25	1	6			85	PSV	Vietnamese
17	LE CONG MINH	P4	26	1	7			113	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

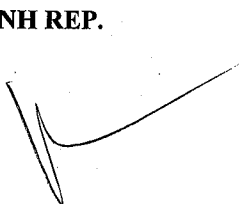
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		AMD	9	584	14	95	0	0	3			
2		P5	1	75	1	10	1	10	0			
3		P4	7	515	8	58	1	20	14			
		TOTAL	17	1.174	23	163	2	30	17			
		WEIGHT KG		1.174		163		30				

GRAND TOAL: 1.367 KGS

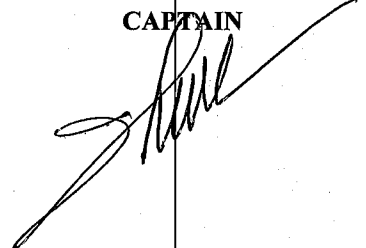
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/05/2025	TO: RC4 - RP2 - P2	AIRCRAFT: 619	ETD: 13:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: MTIEN - TTRUNG	ETA: 15:40
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG MINH THUAN	RC4	33	1	9			71	NAM TIEN	Vietnamese
2	VO THANH CHUNG	RC4	20	1	9			66	NAM TIEN	Vietnamese
3	HA HUYNH XUAN DIEP	RC4	35	1	12			74	NAM TIEN	Vietnamese
4	DO KHO LAI	RC4	32	1	8	1	15	86	NAM TIEN	Vietnamese
5	NGUYEN DUC LAM	RC4	34	1	11			65	NAM TIEN	Vietnamese
6	KHUONG THANH DUONG	RP2	78	1	13			74	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYEN DUY KHANH	RP2	86	1	8			78	ANTOAN	Vietnamese
8	NGUYEN HUU VIET	RP2	77	1	7			72	ANTOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN BAO	RP2	83	1	10			67	ANTOAN	Vietnamese
10	TRAN DUY THONG	RP2	82	1	10			78	ANTOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG MINH	RP2	84-85	2	8	1	20	78	ANTOAN	Vietnamese
12	NGUYEN THE HUNG	RP2	79	1	7	2	19	79	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THANG	RP2	88	1	8			85	BIEN XAN	Vietnamese
14	PHAM HONG VAN	P2	41	1	4			70	PSV	Vietnamese
15	TRAN VAN DUC	P2	42	1	4			49	PSV	Vietnamese
16	LE XUAN DAM	P2	48	1	4			64	PSV	Vietnamese
17	TRUONG QUANG TUAN ANH	P2	45-46	2	6			49	PSV	Vietnamese
18	LE VAN LOI	P2	43	1	6			56	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN MINH DONG	P2	44	1	3			46	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RC4	5	362	5	49	1	15	4			
2		RP2	8	611	9	71	3	39	0			
3		P2	6	334	7	27	0	0	13			
		TOTAL	19	1.307	21	147	4	54	17			
		WEIGHT KG		1.307		147		54				

GRAND TOAL: 1.508 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN